

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 18/5/2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Lương Quang và bà Lê Thị Thái Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 05/2018/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”. Do bản án HNGĐ sơ thẩm số 85/2017/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Cẩm V, sinh năm 1989; Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang B, sinh năm 1979; Có mặt.

Nơi cư trú: Khu phố n, phường P, Tp T, tỉnh Phú Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị N, sinh năm 1947; Trú tại: Khu phố n, phường P, Tp T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Những người làm chứng:

4.1. Bà Trương Thị H, sinh năm 1930; Vắng mặt.

4.2. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1966; Có mặt.

4.3. Bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1950; Vắng mặt.

4.4. Anh Phan Duy Q, sinh năm 1991; Vắng mặt.

Đồng cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

4.5. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971; Vắng mặt.

Nơi cư trú : Khu phố n, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

4.6. Ông Nguyễn M, sinh năm 1943; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu phố n, phường P, Tp T, tỉnh Phú Yên.

4.7. Bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1977; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu phố m, phường P, Tp T, tỉnh Phú Yên.

5. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Quang B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị Cẩm V và anh Nguyễn Quang B tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2013 ngày 10/10/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ cuối năm 2016 đến nay vợ chồng không còn chung sống, quan tâm chăm sóc nhau. Hai bên đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

- *Về con chung:* Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thùy L, sinh ngày 15/9/2014. Ly hôn chị V mong muốn được nhận nuôi con, nếu anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì chị nhận, chị V không yêu cầu. Anh B đồng ý giao con chung cho chị V nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 700.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung:* Ngày cưới vợ chồng chị V, anh B được cho tổng cộng 26,5 chỉ vàng y 9999 và một số tiền mặt mua được 14,5 chỉ vàng y 9999. Sau khi cưới anh B và mẹ chồng là bà Lê Thị N yêu cầu đưa cho bà N giữ nên chị V phải nghe theo. Hiện nay bà N đang giữ của vợ chồng chị 41 chỉ vàng y 9999 nên chị V đề nghị bà N trả lại cho vợ chồng chị và chia mỗi người ½. Đối với khoản tiền gửi tại Ngân hàng 45.000.000đ chị V đã rút từ ngày 28/11/2016 và chi phí cho con từ đó đến nay đã hết.

Anh Nguyễn Quang B cho rằng số vàng cưới trong quá trình chung sống đã bán và chi tiêu hết, chỉ còn 45.000.000đ tiền gửi tại Ngân hàng chị V hiện nay đang giữ, trừ chi phí nuôi con mỗi tháng 700.000đ từ ngày 03/01/2017 đến ngày 25/12/2017 là 8.400.000đ, còn lại 36.600.000đ anh B đề nghị chia mỗi người ½ số tiền này.

- *Về nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày: Vợ chồng chị V, anh B không gửi vàng cho bà giữ. Giọng nói trong đĩa CD mà Tòa công bố không phải giọng nói của bà.

Tại bản án dân sự số 85/2017/HNGĐ-ST ngày 26/12/2017 Tòa án nhân dân thành phố T quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Điều 554, 556, 557 BLDS 2015.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Cẩm V và anh Nguyễn Quang B.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn Hoàng Thùy L, sinh ngày 15/9/2014 cho chị Phan Thị Cẩm V tiếp tục được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Quang B là 700.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2018 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Buộc bà Lê Thị N phải trả 41 chỉ vàng y, trong đó: 27 chỉ vàng y 9999 và 14 chỉ vàng y 99 cho vợ chồng chị Phan Thị Cẩm V, anh Nguyễn Quang B.

Anh Nguyễn Quang B và chị Phan Thị Cẩm V mỗi người được nhận 13,5 chỉ vàng y 9999 và 07 chỉ vàng y 99 do bà Lê Thị N giao. Chị Phan Thị Cẩm V có trách nhiệm giao lại cho anh B 7.500.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 08/01/2018, bị đơn anh Nguyễn Quang B kháng cáo yêu cầu chia hai số tiền 36.600.000đ.

Ngày 08/01/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N kháng cáo không chấp nhận trả lại số vàng cho vợ chồng chị Phan Thị Cẩm V, anh Nguyễn Quang B.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu chia hai số tiền 36.600.000đ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của bà Lê Thị N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quang B – yêu cầu chia 2 đối với số tiền 36.600.000đ: Xét các chi phí nuôi con bao gồm tiền học phí 700.000đ/tháng và các chi phí sinh hoạt cần thiết khác, anh B trình bày chỉ chấp nhận trừ 700.000đ mỗi tháng trong thời gian từ tháng 1/2017 đến tháng 12/2017 là không phù hợp với nhu cầu thực tế. Cấp sơ thẩm xác định chi phí thực tế cho con là 2.500.000đ/tháng là có căn cứ và phù hợp. Số tiền chung của vợ chồng chị V, anh B sau khi trừ chi phí nuôi con còn lại là 15.000.000đ, mỗi người được nhận 7.500.000đ là có cơ sở. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quang B.

Về kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N - không chấp nhận trả lại số vàng cho vợ chồng chị Phan Thị Cẩm V, anh Nguyễn Quang B: Nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm V cung cấp đĩa CD ghi lại nội dung nói chuyện điện thoại giữa chị và bà Lê Thị N lúc 17 giờ 14 phút ngày 14/01/2017 có nội dung xác nhận việc bà N đang giữ 41 chỉ vàng của vợ chồng chị. Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định và triệu tập bà N hợp lệ nhiều lần lấy mẫu giọng nói để giám định nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ của mình. Anh Nguyễn Quang B cũng có xác nhận trong thời gian hai vợ chồng xa nhau có nhắn tin qua lại nội dung chị V đem tiền về thì anh B sẽ trả lại vàng. Tại cấp phúc thẩm bà N không cung cấp tài liệu gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình và vắng mặt tại phiên tòa, nên cần chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của bà N.

Từ những căn cứ như trên, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Quang B kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Lê Thị N là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quang B. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan bà Lê Thị N. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung, sửa phần án phí đối với bà Lê Thị N.

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Điều 554, 556, 557 BLDS 2015.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Cẩm V và anh Nguyễn Quang B.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Cẩm V được nuôi con chung là Nguyễn Hoàng Thùy L, sinh ngày 15/9/2014. Anh Nguyễn Quang B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000đ. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Buộc bà Lê Thị N phải trả 41 chỉ vàng y, trong đó: 27 chỉ vàng y 9999 và 14 chỉ vàng y 99 cho vợ chồng chị Phan Thị Cẩm V và anh Nguyễn Quang B.

Anh Nguyễn Quang B và chị Phan Thị Cẩm V mỗi người được nhận 13,5 chỉ vàng y 9999 và 07 chỉ vàng y 99 do bà Lê Thị N giao.

Chị Phan Thị Cẩm V có trách nhiệm giao lại cho anh Nguyễn Quang B 7.500.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147, 148 BLTTDS.

Chị Phan Thị Cẩm V phải chịu 150.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm và 3.950.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đã nộp 3.200.000đ tiền tạm ứng án phí tại các biên lai thu tiền số 0004522 ngày 13/01/2017 và 0004712 ngày 03/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T nên còn phải nộp 900.000đ.

Anh Nguyễn Quang B phải chịu 150.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm, 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, 3.950.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp 1.300.000đ tiền tạm ứng án phí tại các biên lai thu tiền số 0004862 ngày 05/6/2017 và 0009877 ngày 26/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T nên còn phải nộp 3.400.000đ.

Bà Lê Thị N không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà N 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009876 ngày 26/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Các đương sự;
- TAND Tp T (2);
- Chi cục THADS Tp T;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Tấn Hoàng